

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **07/2019/HS-ST**

Ngày: 25/01/2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lâm

Ông Đặng Quang Vọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2019/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS ngày 11/01/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: U); sinh năm 1995, tại: Đồng Nai.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận, Trình độ văn hóa: 5/12, Nghề nghiệp: Không, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958 và bà Trần Thị Thanh L, sinh năm 1965. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2018 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Lê Văn M, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố T, phường L, TX Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà NLQ1, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố T, phường L, TX P, tỉnh Bình Phước.

2/ Ông NLQ2, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Z, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3/ Ông NLQ3, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Z, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

4/ Bà NLQ4, sinh năm 1995; (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố A, phường L, TX P, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng:

1/ Ông NLC1, sinh năm 1989; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố T, phường L, TX P, tỉnh Bình Phước.

2/ Ông NLC2, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố T, phường L, TX P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00' ngày 29/7/2018, Nguyễn Văn T đi đến phòng trọ của bạn tên Nguyễn Văn N, sinh năm 1997, ở Khu phố T, phường L, thị xã P, Bình Phước chơi. Tại đây, có Lê Văn M, sinh năm 1983 ở phòng trọ bên cạnh vừa điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Luvias biển số 94N1-8777 chở vợ (NLQ1) và con đi ăn tối về, sau đó cũng sang phòng của N chơi. T ngồi nói chuyện cùng N và M đến khoảng 20 giờ 30' thì T đi bộ ra khu vực trung tâm thương mại Phước Bình ngồi nhậu một mình. Đến khoảng 23 giờ, T quay lại dãy phòng trọ của N và M để xin ngủ nhờ, tới nơi thấy mọi người đã đóng cửa đi ngủ. Lúc này, T nhìn vào phòng trọ, ở sát bên phòng trọ của M thì phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha - Luvias màu đen biển số 94N1-8777 của M dựng trong một phòng trống có sẵn chìa khóa trên xe. Thấy mọi người đã ngủ, nên T nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe này bán lấy tiền tiêu xài, sợ mọi người tỉnh dậy sẽ phát hiện. T liền đi bộ ra gốc cây phía trước lấy những sợi dây buộc kiềng cây cao su đem vào cột các móc khóa cửa bên ngoài của 05 phòng trọ lại. Sau đó T liền dắt chiếc xe mô tô biển số 94N1-8777 của anh M ra ngoài và nổ máy điều khiển xe chạy đến khu vực Hồ Long Thủy thuộc phường L, thị xã Phước Long để tìm nơi tiêu thụ. Đến khoảng 06 giờ ngày 30/7/2018 T điện thoại cho bạn tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) xin số của X (chưa rõ nhân thân, lai lịch) và gọi cho X, rồi cầm cố chiếc xe cho X lấy 2.000.000 đồng. (bút lục 55-60)

Đến sáng ngày 30/7/2018, sau khi thức dậy phát hiện bị mất xe, Lê Văn M nghi vấn T lấy trộm, nên M đã nhờ NLC2 gặp T để hỏi đòi lại xe. T thừa nhận đã lấy trộm xe của M. Sau khi T đi thành phố Hồ Chí Minh chơi, khoảng 07 ngày sau T điện thoại cho vợ của M tên NLQ1, sinh năm 1987 yêu cầu NLQ1 đưa tiền 4.000.000 đồng để T dẫn đi chuộc lại xe. NLQ1 đồng ý, liền đưa 4.000.000 đồng cho NLC1, sinh năm 1989 và NLC2, sinh năm 1982 nhờ NLC1 và NLC2 đi gặp T để chuộc lại xe. T dẫn NLC2 và NLC1 đến đoạn đường gần cầu Suối Dung thuộc khu phố B, phường S, thị xã Phước Long gặp X chuộc lại xe mô tô nêu trên mang về trả lại cho NLQ1. (bút lục 55-60)

Ngày 17/10/2018 Nguyễn Văn T đã đến Công an phường L đầu thú và khai nhận về hành vi của mình như trên. Công an phường L đã tiến hành tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Luvias biển số 94N1- 8777 và bàn giao T cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long điều tra làm rõ, xử lý. *(bút lục 01, 116)*

Ngày 26/10/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long có bản kết luận định giá tài sản số 38/HĐ ĐGTSTTTHS thì giá trị của xe mô tô Yamaha - Luvias, màu đen, biển số 94N1- 8777 tại thời điểm ngày 29/7/2018 là 5.000.000đ. *(bút lục 05)*

Đối với xe mô tô Yamaha - Luvias, màu đen, biển số 94N1- 8777 là tài sản hợp pháp của NLQ3, sinh năm 1984, HKTT: ấp Z, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu trong thời gian về quê có gửi vợ chồng anh M quản lý, sử dụng. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này có giấy chứng nhận đăng ký hợp pháp nên ngày 15/11/2018 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 674, đã trả lại cho chủ sở hữu NLQ3, và anh NLQ3 không có yêu cầu gì. *(bút lục 117, 118)*

Ngày 12/11/2018 NLQ4 đã tự thỏa thuận với NLQ1 bồi thường thay cho Nguyễn Văn T số tiền 2.500.000 đồng, số tiền này NLQ4 không yêu cầu T trả lại và NLQ1 không có yêu cầu gì thêm. *(bút lục 120)*

Về chiếc điện thoại di động Nokia 1280 T sử dụng liên lạc với X để tiêu thụ xe mô tô biển số 94N1- 8777 lấy trộm của anh M, do T đã làm mất nên không thu giữ được để điều tra xử lý.

Đối với 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu iTel không có vỏ ốp phía sau đã tạm giữ của Nguyễn Văn T khi T ra đầu thú *(bút lục 37)*, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 25/10/2018 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long đã trả lại cho Nguyễn Văn T. *(bút lục 119)*

Ngoài ra, khi ra đầu thú và làm việc với cán bộ Công an phường L, cán bộ Công an thị xã Phước Long trước khi bị khởi tố thì Nguyễn Văn T khai nhận vào ngày 10/7/2018 T đã lấy trộm xe mô tô loại Dream, biển số 93F9-4685 của Phạm Tấn Đ. Tuy nhiên, sau khi bị khởi tố điều tra T lại không thừa nhận đã lấy trộm chiếc xe mô tô của Đ. Do không có đủ căn cứ để xử lý Nguyễn Văn T về hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô loại Dream biển số 93F9-4685 của Phạm Tấn Đ, nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau. *(bút lục 47-60).*

Tại bản cáo trạng số 03/CTr-VKSPL ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long truy tố Nguyễn Văn T (U) về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (U) phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*”, “*Người phạm tội đầu thú*” theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (U) mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Phước Long, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T (U) khai nhận: Do muốn có tiền tiêu xài nên ngày 29/7/2018 Nguyễn Văn T đã hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha - Luvias màu đen, biển số 93N1- 8777 của anh Lê Văn M có giá trị là 5.000.000 đồng, mang bán cho đối tượng tên gọi là X (không rõ nhân thân, lai lịch) lấy 2.000.000 đồng tiêu xài. Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với Biên bản lấy lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời lời khai của bị cáo cũng phù hợp với Biên bản kiểm tra hiện trường, vật chứng đã thu giữ và các chứng cứ khác có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T (U) có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Yamaha - Luvias màu đen của người bị hại Lê Văn M đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào tài sản hợp pháp của công dân được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật xử lý, nhưng do lười lao động, muốn có tiền hưởng thụ một cách nhanh chóng, bị cáo cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 5.000.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương, nên cần phải xử bị cáo mức án tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo Nguyễn Văn T (U) thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo đã bồi thường cho người bị hại để khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét khi lượng hình. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra, khi ra đầu thú và làm việc với cán bộ Công an phường L, cán bộ Công an thị xã Phước Long trước khi bị khởi tố thì Nguyễn Văn T khai nhận vào ngày 10/7/2018 T đã lấy trộm xe mô tô loại Dream, biển số 93F9-4685 của Phạm Tấn Đ. Tuy nhiên, sau khi bị khởi tố điều tra T lại không thừa nhận đã lấy trộm chiếc xe mô tô của Đ. Do không có đủ căn cứ để xử lý Nguyễn Văn T về hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô loại Dream biển số 93F9-4685 của Phạm Tấn Đ, nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chủ sở hữu NLQ3 đã nhận lại xe mô tô hiệu Yamaha - Luvias màu đen, biển số 93N1- 8777 và không có yêu cầu gì thêm; Ngày 12/11/2018 NLQ4 đã tự thỏa thuận với NLQ1 bồi thường thay cho Nguyễn Văn T số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng, số tiền này NLQ4 không yêu cầu T trả lại và NLQ1 không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[6] Về vật chứng:

Đối với xe mô tô Yamaha - Luvias, màu đen, biển số 94N1- 8777 là tài sản hợp pháp của NLQ3, sinh năm 1984, HKTT: ấp Z, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu trong thời gian về quê có gửi vợ chồng anh M quản lý, sử dụng. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này có giấy chứng nhận đăng ký hợp pháp nên ngày 15/11/2018 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 674, đã trả lại cho chủ sở hữu NLQ3 là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý lại.

Đối với 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu iTel không có vỏ ốp phía sau đã tạm giữ của Nguyễn Văn T khi T ra đầu thú do không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 25/10/2018 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long đã trả lại cho Nguyễn Văn T là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý thêm.

[7] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (U) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

[2]. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136, Điều 260, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[3]. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (U) **09** (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2018.

[4].Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T (U) phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND - VKSND Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND TX PLong
- THA TX PLong
- Bị cáo;
- Lưu HS + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Ngọc Thảo